

**PHỤ LỤC I**  
**HỆ SỐ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở THUỘC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG**  
**TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 50 /2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**1. THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI**

| Số TT    | Tên đường                  | Đoạn đường                                     |                                               | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|----------|----------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------|
|          |                            | Từ                                             | Đến                                           |                          |
| <b>I</b> | <b>PHƯỜNG TÂN PHÚ</b>      |                                                |                                               |                          |
| 1        | Quốc lộ 14                 | Ngã tư Đồng Xoài                               | Đường Lê Duẩn                                 | 1,00                     |
|          |                            | Đường Lê Duẩn                                  | Đường Nguyễn Văn Linh                         | 1,00                     |
|          |                            | Đường Nguyễn Văn Linh                          | Ranh giới phường Tiến Thành                   | 1,00                     |
| 2        | Đường Phú Riềng Đỏ         | Ngã tư Đồng Xoài                               | Đường Lý Thường Kiệt                          | 1,00                     |
|          |                            | Đường Lý Thường Kiệt                           | Đường Trương Công Định                        | 1,00                     |
|          |                            | Đường Trương Công Định                         | Đường Cách Mạng Tháng 8                       | 1,00                     |
|          |                            | Đường Cách Mạng Tháng 8                        | Hết ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su | 1,00                     |
|          |                            | Giáp ranh đất Trung tâm Sát Hạch lái xe Cao Su | Ranh giới huyện Đồng Phú                      | 1,00                     |
| 3        | Đường Trần Hưng Đạo        | Đường Phú Riềng Đỏ                             | Đường Trần Phú                                | 1,20                     |
|          |                            | Đường Lê Duẩn                                  | Đường Nguyễn Chí Thanh                        | 1,00                     |
|          |                            | Đường Nguyễn Chí Thanh                         | Đường Nguyễn Bình                             | 1,00                     |
|          |                            | Đường Nguyễn Bình                              | Ranh phường Tiến Thành                        | 1,40                     |
| 4        | Đường Lê Duẩn              | Quốc lộ 14                                     | Đường Lý Thường Kiệt                          | 1,20                     |
| 5        | Đường 6 tháng 1            | Đường Lê Duẩn                                  | Đường Nguyễn Văn Linh                         | 1,20                     |
| 6        | Đường Nguyễn Văn Cừ        | Quốc lộ 14                                     | Đường Trần Hưng Đạo                           | 1,00                     |
| 7        | Đường Nguyễn Thị Minh Khai | Quốc lộ 14                                     | Đường Trần Hưng Đạo                           | 1,00                     |
| 8        | Đường Nguyễn Văn Linh      | Quốc lộ 14                                     | Đường Trần Hưng Đạo                           | 1,00                     |
|          |                            | Đường Phạm Đình Hồ                             | Đường Hồ Xuân Hương                           | 1,00                     |
| 9        | Đường Nguyễn Chí Thanh     | Quốc lộ 14                                     | Đường Trần Hưng Đạo                           | 1,35                     |
|          |                            | Đường Trần Hưng Đạo                            | Cuối đường                                    | 1,00                     |
| 10       | Đường Nguyễn Chánh         | Quốc lộ 14                                     | Đường Trần Hưng Đạo                           | 1,25                     |
| 11       | Đường Nguyễn Bình          | Quốc lộ 14                                     | Đường Trần Hưng Đạo                           | 1,00                     |
| 12       | Đường Lê Hồng Phong        | Quốc lộ 14                                     | Đường Trần Hưng Đạo                           | 1,00                     |
| 13       | Đường Trường Chinh         | Quốc lộ 14                                     | Đường Trần Hưng Đạo                           | 1,00                     |
|          |                            | Đường Trần Hưng Đạo                            | Đập Suối Cam                                  | 1,00                     |
| 14       | Đường Hoàng Văn Thụ        | Đường Lý Tự Trọng                              | Đường Trần Hưng Đạo                           | 1,00                     |
| 15       | Đường Lý Tự Trọng          | Đường Nguyễn Văn Linh                          | Đường Lê Hồng Phong                           | 1,00                     |
| 16       | Đường Trần Văn Trà         | Quốc lộ 14                                     | Đường Trần Hưng Đạo                           | 1,00                     |

| Số TT | Tên đường                | Đoạn đường                                 |                                            | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|--------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------|
|       |                          | Từ                                         | Đến                                        |                          |
| 17    | Đường Nguyễn Thái Học    | Đường Trường Chinh                         | Đường Nguyễn Chí Thanh                     | 1,00                     |
| 18    | Đường Hoàng Văn Thái     | Đường Lê Hồng Phong                        | Đường Nguyễn Bình                          | 1,00                     |
| 19    | Đường Nguyễn Thị Định    | Hoàng Văn Thụ                              | Đường Nguyễn Bình                          | 1,00                     |
| 20    | Đường Huỳnh Văn Nghệ     | Đường Lê Hồng Phong                        | Đường Nguyễn Bình                          | 1,00                     |
| 21    | Đường Ngô Gia Tự         | Đường 6 tháng 1                            | Đường Trần Hưng Đạo                        | 1,00                     |
| 22    | Đường Hà Huy Tập         | Đường 6 tháng 1                            | Đường Trần Hưng Đạo                        | 1,00                     |
|       |                          | Đường Trần Hưng Đạo                        | Đường Phạm Đình Hồ                         | 1,00                     |
| 23    | Đường Lý Thường Kiệt     | Đường Phú Riêng Đỏ                         | Đường Trần Phú                             | 1,00                     |
|       |                          | Đường Trần Phú                             | Ngã 3 đường Lê Duẩn - Đường Lý Thường Kiệt | 1,20                     |
|       |                          | Ngã 3 đường Lê Duẩn - Đường Lý Thường Kiệt | Đường Hàm Nghi                             | 1,00                     |
|       |                          | Đường Hàm Nghi                             | Đường Hồ Xuân Hương                        | 1,08                     |
| 24    | Đường Trần Phú           | Quốc lộ 14                                 | Đường Lý Thường Kiệt                       | 1,00                     |
| 25    | Đường Bùi Hữu Nghĩa      | Đường Nguyễn Chánh                         | Đường Nguyễn Bình                          | 1,00                     |
| 26    | Đường Trần Cao Vân       | Quốc lộ 14                                 | Đường Trần Hưng Đạo                        | 1,00                     |
| 27    | Đường Nguyễn Thượng Hiền | Quốc lộ 14                                 | Đường Trần Hưng Đạo                        | 1,00                     |
|       |                          | Đường Trần Hưng Đạo                        | Đường Lý Thường Kiệt                       | 1,00                     |
| 28    | Đường Hai Bà Trưng       | Quốc lộ 14                                 | Đường Trương Công Định                     | 1,00                     |
|       |                          | Đường Trương Công Định                     | Đường Bùi Thị Xuân                         | 1,00                     |
| 29    | Đường Hồ Xuân Hương      | Đường Trường Chinh                         | Đường Hàm Nghi                             | 1,20                     |
|       |                          | Đường Hàm Nghi                             | Đường Lê Trọng Tấn                         | 1,00                     |
|       |                          | Đường Lê Trọng Tấn                         | Đường Nguyễn Hữu Cánh                      | 1,27                     |
|       |                          | Đường Nguyễn Hữu Cánh                      | Đường N16 KDC Bắc Đồng Phú                 | 1,16                     |
| 30    | Đường Hồ Biểu Chánh      | Đường Lý Thường Kiệt                       | Đường Hồ Xuân Hương                        | 1,00                     |
| 31    | Đường Nguyễn Gia Thiều   | Đường Nguyễn Bình Khiêm                    | Đường Hồ Xuân Hương                        | 1,00                     |
| 32    | Đường Nguyễn Xí          | Đường Bạch Đằng                            | Đường Hồ Xuân Hương                        | 1,00                     |
| 33    | Đường Hàm Nghi           | Đường Hồ Xuân Hương                        | Đường Nguyễn Bình Khiêm                    | 1,20                     |
|       |                          | Đường Nguyễn Bình Khiêm                    | Đường Trường Chinh                         | 1,00                     |
| 34    | Đường Nguyễn Bình Khiêm  | Đường Hồ Xuân Hương                        | Đường Triệu Quang Phục                     | 1,20                     |
| 35    | Đường Ngô Thị Nhậm       | Đường Bạch Đằng                            | Đường Hồ Xuân Hương                        | 1,00                     |
| 36    | Đường Nguyễn Văn Siêu    | Đường Hàm Nghi                             | Đường Hồ Xuân Hương                        | 1,00                     |
| 37    | Đường Phạm Phú Thứ       | Đường Bạch Đằng                            | Đường Hồ Xuân Hương                        | 1,00                     |
| 38    | Đường Triệu Quang Phục   | Đường Trường Chinh                         | Đường Nguyễn Xí                            | 1,00                     |

| Số TT | Tên đường                                                 | Đoạn đường                 |                        | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|-----------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------|--------------------------|
|       |                                                           | Từ                         | Đến                    |                          |
| 39    | Đường Bạch Đằng                                           | Đường Lê Duẩn              | Đường Trần Quang Diệu  | 1,30                     |
|       |                                                           | Đường Trần Quang Diệu      | Đường Trường Chinh     | 1,00                     |
| 40    | Đường Phan Văn Đạt                                        | Đường Trần Quang Diệu      | Đường Lê Duẩn          | 1,00                     |
| 41    | Đường Phạm Đình Hồ                                        | Đường Trần Quang Diệu      | Đường Lê Duẩn          | 1,00                     |
| 42    | Đường Dương Bá Trạc                                       | Đường Cách Mạng Tháng 8    | Đường 26 tháng 12      | 1,00                     |
| 43    | Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư phía Bắc tỉnh lỵ | Toàn tuyến                 |                        | 1,07                     |
| 44    | Đường 26 tháng 12                                         | Đường Phú Riêng Đỏ         | Đường Đặng Thai Mai    | 1,00                     |
| 45    | Đường 9 tháng 6                                           | Đường Phú Riêng Đỏ         | Đường Dương Bá Trạc    | 1,00                     |
| 46    | Đường Nguyễn Hữu Huân                                     | Đường 9 tháng 6            | Đường số 4             | 1,00                     |
| 47    | Đường Hồ Huân Nghiệp                                      | Đường 26 tháng 12          | Đường 9 tháng 6        | 1,00                     |
| 48    | Đường Mạc Đình Chi                                        | Đường Cách Mạng Tháng 8    | Đường 9 tháng 6        | 1,00                     |
| 49    | Đường Cách Mạng Tháng 8                                   | Đường Phú Riêng Đỏ         | Đường Vũ Như Tô        | 1,00                     |
| 50    | Đường Đặng Thai Mai                                       | Đường Trương Công Định     | Đường Phan Huy Ích     | 1,05                     |
| 51    | Đường Trương Công Định                                    | Đường Phú Riêng Đỏ         | Đường Đặng Thai Mai    | 1,00                     |
|       |                                                           | Đường Đặng Thai Mai        | Đường Lê Trọng Tấn     | 1,00                     |
| 52    | Đường Lê Trọng Tấn                                        | Đường Bùi Thị Xuân         | Đường Hồ Xuân Hương    | 1,00                     |
| 53    | Đường Bùi Thị Xuân                                        | Đường Phú Riêng Đỏ         | Đường Đặng Thai Mai    | 1,00                     |
|       |                                                           | Đường Đặng Thai Mai        | Đường Lê Trọng Tấn     | 1,00                     |
| 54    | Đường Đoàn Thị Điểm                                       | Đường Cách Mạng Tháng 8    | Đường Trương Công Định | 1,37                     |
| 55    | Đường Nguyễn Hữu Cánh                                     | Đường Cách Mạng Tháng 8    | Đường Lê Lợi           | 1,00                     |
| 56    | Đường Vũ Như Tô                                           | Đường Bùi Thị Xuân         | Cuối đường             | 1,00                     |
| 57    | Đường Lương Văn Can                                       | Đường Bùi Thị Xuân         | Đường 26 tháng 12      | 1,00                     |
| 58    | Đường Tăng Bạt Hổ                                         | Đường Chu Văn An           | Đường Lương Văn Can    | 1,00                     |
| 59    | Đường Hồ Hào Hớn                                          | Đường Chu Văn An           | Đường Đặng Thai Mai    | 1,00                     |
| 60    | Đường Nguyễn Công Trứ                                     | Đường Lê Trọng Tấn         | Đường Nguyễn Hữu Cánh  | 1,00                     |
| 61    | Đường Lê Lợi                                              | Đường Lê Trọng Tấn         | Đường Nguyễn Hữu Cánh  | 1,00                     |
|       |                                                           | Đường Đặng Thai Mai        | Đường Phạm Hùng        | 1,00                     |
| 62    | Đường Trần Nhật Duật                                      | Đường Lê Trọng Tấn         | Đường Nguyễn Hữu Cánh  | 1,15                     |
| 63    | Đường Tô Ngọc Vân                                         | Đường Bùi Thị Xuân         | Đường Trương Công Định | 1,00                     |
| 64    | Đường Lê Anh Xuân                                         | Quốc lộ 14                 | Đường Trần Hưng Đạo    | 1,00                     |
| 65    | Đường Hàn Thuyên                                          | Đường Hai Bà Trưng nối dài | Đường Phạm Hùng        | 1,00                     |
| 66    | Đường Diên Hồng                                           | Đường Phạm Hùng            | Đường Đặng Thai Mai    | 1,00                     |
| 67    | Đường Chu Văn An                                          | Đường Trương Công Định     | Đường 26 tháng 12      | 1,00                     |
| 68    | Đường Phạm Hùng                                           | Đường 26 tháng 12          | Đường Lê Lợi           | 1,45                     |
| 69    | Đường Phan Huy Ích                                        | Đường Phạm Hùng            | Đường Đặng Thai Mai    | 1,00                     |
| 70    | Đường Đồng Khởi                                           | Quốc lộ 14                 | Đường Bình Giã         | 1,30                     |
| 71    | Đường Bình Giã                                            | Đường Trần Phú             | Đường Đồng Khởi        | 1,30                     |



| Số TT | Tên đường                                                                                                                         | Đoạn đường                |                                                             | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                                                                                                   | Từ                        | Đến                                                         |                          |
| 72    | Đường Tôn Thất Tùng                                                                                                               | Đường Trần Phú            | Đường Nguyễn Thượng Hiền                                    | 1,35                     |
| 73    | Đường Phạm Hữu Trí                                                                                                                | Đường Trần Phú            | Đường Nguyễn Thượng Hiền                                    | 1,30                     |
| 74    | Đường Lê Quang Định                                                                                                               | Đường Trần Phú            | Đường Đặng Trần Thi                                         | 1,35                     |
| 75    | Đường Đặng Trần Thi                                                                                                               | Đường Trần Hưng Đạo       | Đường Lý Thường Kiệt                                        | 1,30                     |
| 76    | Đường Đặng Văn Ngữ                                                                                                                | Đường Trần Hưng Đạo       | Đường Lê Quang Định                                         | 1,34                     |
| 77    | Đường Lê Quát                                                                                                                     | Đường Trần Hưng Đạo       | Đường Lê Quang Định                                         | 1,34                     |
| 78    | Các tuyến đường còn lại trong khu dân cư Trung tâm hành chính thành phố                                                           | Suốt tuyến                |                                                             | 1,00                     |
| 79    | Đường D7 KDC Bắc Đồng Phú                                                                                                         | Đường Phú Riêng Đỏ        | Đường N16 KDC Bắc Đồng Phú                                  | 1,00                     |
| 80    | Đường N7 KDC Bắc Đồng Phú                                                                                                         | Đường Phú Riêng Đỏ        | Cống thoát nước qua suối giáp ấp Làng Ba, phường Tiến Thành | 1,00                     |
| 81    | Đường N13 KDC Bắc Đồng Phú                                                                                                        | Đường D9 KDC Bắc Đồng Phú | Đường D7 KDC Bắc Đồng Phú                                   | 1,00                     |
| 82    | Đường D8, D9, D10 KDC Bắc Đồng Phú                                                                                                | Toàn tuyến                |                                                             | 1,00                     |
| 83    | Đường N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8, N9, N10, N11, N12, N14, N15, N16 KDC Bắc Đồng Phú                                           | Toàn tuyến                |                                                             | 1,00                     |
| 84    | Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6 KDC Bắc Đồng Phú                                                                                     | Toàn tuyến                |                                                             | 1,00                     |
| 85    | Đường số 11, D5, D7A KDC Phú Thịnh - Khu Lâm Viên                                                                                 | Toàn tuyến                |                                                             | 1,14                     |
| 86    | Đường D1, D2, D4 KDC Phú Thịnh - Khu Lâm Viên                                                                                     | Toàn tuyến                |                                                             | 1,14                     |
| 87    | Các tuyến đường còn lại trong KDC Phú Thịnh - Khu Lâm Viên (trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất)                     |                           |                                                             | 1,18                     |
| 88    | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên |                           |                                                             | 1,00                     |
| 89    | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên   |                           |                                                             | 1,00                     |

| Số TT | Tên đường                                       | Đoạn đường                                             |                                                        | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                 | Từ                                                     | Đến                                                    |                          |
| II    | <b>PHƯỜNG TÂN BÌNH</b>                          |                                                        |                                                        |                          |
| 1     | Quốc lộ 14                                      | Ngã tư Đồng Xoài                                       | Đường Lê Duẩn                                          | 1,00                     |
|       |                                                 | Đường Lê Duẩn                                          | Hết ranh thửa đất Tòa Án Nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) | 1,00                     |
|       |                                                 | Hết ranh thửa đất Tòa Án Nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) | Ranh giới phường Tiến Thành                            | 1,00                     |
| 2     | Đường Phú Riêng Đỏ                              | Ngã tư Đồng Xoài                                       | Đường Nơ Trang Long                                    | 1,30                     |
|       |                                                 | Đường Nơ Trang Long                                    | Đường Hùng Vương                                       | 1,40                     |
|       |                                                 | Đường Hùng Vương                                       | Hết ranh đất chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước          | 1,00                     |
|       |                                                 | Giáp ranh đất chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước         | Giáp ranh giới xã Tiến Hưng                            | 1,00                     |
| 3     | Đường Hùng Vương                                | Quốc lộ 14                                             | Đường Phú Riêng Đỏ                                     | 1,44                     |
| 4     | Đường Võ Văn Tần                                | Đường Hùng Vương                                       | Đường Nơ Trang Long                                    | 1,53                     |
|       | <b>Khu vực Chợ</b>                              |                                                        |                                                        |                          |
| 5     | Đường số 1                                      | Quốc lộ 14                                             | Đường số 7                                             | 1,20                     |
| 6     | Đường số 2                                      | Đường số 7                                             | Đường Phú Riêng Đỏ                                     | 1,50                     |
| 7     | Đường số 3                                      | Quốc lộ 14                                             | Đường số 5                                             | 1,50                     |
| 8     | Đường số 4                                      | Quốc lộ 14                                             | Đường số 7                                             | 1,50                     |
| 9     | Đường số 5                                      | Đường Điều Ông                                         | Đường Trần Quốc Toàn                                   | 1,50                     |
| 10    | Đường số 6                                      | Đường số 1                                             | Đường số 4                                             | 1,50                     |
| 11    | Đường số 7                                      | Đường Điều Ông                                         | Đường Trần Quốc Toàn                                   | 1,50                     |
| 12    | Đường số 8                                      | Đường số 2                                             | Đường Trần Quốc Toàn                                   | 1,50                     |
| 13    | Đường số 9                                      | Đường số 2                                             | Đường Điều Ông                                         | 1,50                     |
| 14    | Đường Điều Ông                                  | Quốc lộ 14                                             | Đường Phú Riêng Đỏ                                     | 1,50                     |
| 15    | Đường Trần Quốc Toàn                            | Quốc lộ 14                                             | Đường Phú Riêng Đỏ                                     | 1,50                     |
|       | <b>Trung tâm thương mại thành phố Đồng Xoài</b> |                                                        |                                                        |                          |
| 16    | Đường Nơ Trang Long                             | Đường Phú Riêng Đỏ                                     | Đường Võ Văn Tần                                       | 1,30                     |
| 17    | Đường Võ Văn Tần                                | Đường Điều Ông                                         | Đường Nơ Trang Long                                    | 1,50                     |
| 18    | Đường Phạm Ngọc Thảo                            | Toàn tuyến                                             |                                                        | 1,50                     |
| 19    | Đường Lê Thị Riêng                              | Toàn tuyến                                             |                                                        | 1,30                     |
| 20    | Đường Lê Thị Hồng Gấm                           | Toàn tuyến                                             |                                                        | 1,30                     |
| 21    | Đường Lê Duẩn                                   | Đường Hùng Vương                                       | Quốc lộ 14                                             | 1,30                     |
| 22    | Đường An Dương Vương                            | Đường Phú Riêng Đỏ                                     | Đường Võ Văn Tần                                       | 1,00                     |
|       |                                                 | Đường Võ Văn Tần                                       | Quốc lộ 14                                             | 1,00                     |
| 23    | Đường Nguyễn Công Hoan                          | Đường Hùng Vương                                       | Đường Nguyễn Lương Bằng                                | 1,46                     |

| Số TT      | Tên đường                                                                                                                         | Đoạn đường                                                              |                                                                         | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|            |                                                                                                                                   | Từ                                                                      | Đến                                                                     |                          |
| 24         | Đường Nguyễn Lương Bằng                                                                                                           | Đường Lê Duẩn                                                           | Đường Nguyễn Công Hoan                                                  | 1,46                     |
| 25         | Đường Nguyễn Duy                                                                                                                  | Đường Lê Duẩn                                                           | Đường Nguyễn Công Hoan                                                  | 1,00                     |
| 26         | Đường Phạm Thế Hiển                                                                                                               | Đường Hùng Vương                                                        | Đường Nguyễn Duy                                                        | 1,00                     |
| 27         | Đường Lương Thế Vinh                                                                                                              | Toàn tuyến                                                              |                                                                         | 1,00                     |
| 28         | Đường Nguyễn Hữu Thọ                                                                                                              | Đường Lê Duẩn                                                           | Đường Lương Thế Vinh                                                    | 1,00                     |
| 29         | Đường Nguyễn Thi                                                                                                                  | Toàn tuyến                                                              |                                                                         | 1,00                     |
| 30         | Đường Tô Hiệu                                                                                                                     | Đường Phú Riêng Đỏ                                                      | Đường Võ Văn Tần                                                        | 1,00                     |
| 31         | Đường Tôn Đức Thắng                                                                                                               | Đường Phú Riêng Đỏ                                                      | Đường Võ Văn Tần                                                        | 1,00                     |
| 32         | Đường Võ Văn Tần                                                                                                                  | Đường Tôn Đức Thắng                                                     | Đường số 31                                                             | 1,00                     |
| 33         | Đường Thành Thái                                                                                                                  | Đường Phú Riêng Đỏ                                                      | Đường Võ Văn Tần                                                        | 1,00                     |
| 34         | Đường Nguyễn Hoàn                                                                                                                 | Đường Phú Riêng Đỏ                                                      | Đường Võ Văn Tần                                                        | 1,00                     |
| 35         | Đường số 31                                                                                                                       | Đường Phú Riêng Đỏ                                                      | Đường Võ Văn Tần                                                        | 1,00                     |
| 36         | Đường Huỳnh Mẫn Đạt                                                                                                               | Đường Thành Thái                                                        | Đường Tôn Đức Thắng                                                     | 1,00                     |
| 37         | Đường Mai Thúc Loan                                                                                                               | Toàn tuyến                                                              |                                                                         | 1,00                     |
| 38         | Đường Cao Văn Lầu                                                                                                                 | Đường Mai Thúc Loan                                                     | Đường Võ Văn Tần                                                        | 1,00                     |
| 39         | Đường Văn Cao                                                                                                                     | Đường Mai Thúc Loan                                                     | Đường Võ Văn Tần                                                        | 1,00                     |
| 40         | Đường Hồ Văn Huê                                                                                                                  | Đường Mai Thúc Loan                                                     | Đường Võ Văn Tần                                                        | 1,00                     |
| 41         | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên |                                                                         |                                                                         | 1,00                     |
| 42         | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên   |                                                                         |                                                                         | 1,00                     |
| <b>III</b> | <b>PHƯỜNG TIẾN THÀNH</b>                                                                                                          |                                                                         |                                                                         |                          |
| 1          | Quốc lộ 14                                                                                                                        | - Đường Phan Bội Châu<br>- Ranh P. Tân Phú                              | - Cổng KCN Đồng Xoài II (Đường N3)<br>- Phía Tây Trường THCS Tiến Thành | 1,00                     |
|            |                                                                                                                                   | - Cổng KCN Đồng Xoài II (Đường N3)<br>- Phía Tây Trường THCS Tiến Thành | Ranh giới xã Tân Thành                                                  | 1,00                     |
| 2          | Đường Phan Bội Châu                                                                                                               | Quốc lộ 14                                                              | Đường Tôn Đức Thắng                                                     | 1,00                     |
| 3          | Đường Phan Chu Trinh                                                                                                              | Quốc lộ 14                                                              | Đường Tôn Đức Thắng                                                     | 1,00                     |
| 4          | Đường Trần Hữu Độ                                                                                                                 | Quốc lộ 14                                                              | Đường Tôn Đức Thắng                                                     | 1,00                     |
| 5          | Đường Phạm Ngọc Thạch                                                                                                             | Quốc lộ 14                                                              | Đường Tôn Đức Thắng                                                     | 1,20                     |
| 6          | Đường Hải Thượng Lãn Ông                                                                                                          | Quốc lộ 14                                                              | Đường Tôn Đức Thắng                                                     | 1,10                     |
| 7          | Đường Tôn Đức Thắng                                                                                                               | Đường Phan Bội Châu                                                     | Đường Hải Thượng Lãn Ông                                                | 1,00                     |
|            |                                                                                                                                   | Đường Hải Thượng Lãn Ông                                                | Đường Số 32 (N7)                                                        | 1,00                     |
| 8          | Đường Trần Huy Liệu                                                                                                               | Đường Phan Bội Châu                                                     | Đường Phạm Ngọc Thạch                                                   | 1,00                     |

| Số TT | Tên đường                                                                                                                         | Đoạn đường                                                                                |                                                                                         | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                                                                                                   | Từ                                                                                        | Đến                                                                                     |                          |
| 9     | Đường Trần Xuân Soạn                                                                                                              | Đường Phan Bội Châu                                                                       | Đường Phạm Ngọc Thạch                                                                   | 1,00                     |
| 10    | Đường Phan Văn Trị                                                                                                                | Đường Phan Bội Châu                                                                       | Đường Phạm Ngọc Thạch                                                                   | 1,00                     |
| 11    | Đường Bùi Viện                                                                                                                    | Đường Phan Bội Châu                                                                       | Đường Phạm Ngọc Thạch                                                                   | 1,00                     |
| 12    | Đường Ngô Đức Kế                                                                                                                  | Đường Phan Bội Châu                                                                       | Đường Phạm Ngọc Thạch                                                                   | 1,00                     |
| 13    | Đặng Trần Côn                                                                                                                     | Đường Phan Bội Châu                                                                       | Đường Phạm Ngọc Thạch                                                                   | 1,00                     |
| 14    | Đường Nam Cao                                                                                                                     | Đường Phạm Ngọc Thạch                                                                     | Đường Hải Thượng Lãn Ông                                                                | 1,00                     |
| 15    | Khu Dân Cư Thiên Phúc Lợi                                                                                                         | Các tuyến đường trong KDC Thiên Phúc Lợi trừ các tuyến đường đã có tên trong bảng giá đất |                                                                                         | 1,18                     |
| 16    | Khu Dân Cư Quang Minh Tiến                                                                                                        | Các tuyến đường trong KDC Quang Minh Tiến trừ đường Đường Tôn Đức Thắng                   |                                                                                         | 1,00                     |
| 17    | Khu Dân Cư The Gold Mart                                                                                                          | Các tuyến đường trong KDC The Gold Mart trừ đường Đường Tôn Đức Thắng                     |                                                                                         | 1,00                     |
| 18    | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên |                                                                                           |                                                                                         | 1,00                     |
| 19    | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên   |                                                                                           |                                                                                         | 1,00                     |
| IV    | PHƯỜNG TÂN XUÂN                                                                                                                   |                                                                                           |                                                                                         |                          |
| 1     | Đường Phú Riềng Đỏ                                                                                                                | Đường Lê Quý Đôn                                                                          | Cổng Tầm Vông                                                                           | 1,45                     |
|       |                                                                                                                                   | Cổng Tầm Vông                                                                             | Đường Nguyễn Huệ                                                                        | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Đường Nguyễn Huệ                                                                          | Ranh giới xã Tiến Hưng                                                                  | 1,00                     |
| 2     | Đường Lê Quý Đôn                                                                                                                  | Đường Phú Riềng Đỏ                                                                        | Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tìm đường Phú Riềng Đỏ +65m) | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Đường Phú Riềng Đỏ + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tìm đường Phú Riềng Đỏ +65m)   | Đường dẫn vào Trường THCS Tân Xuân                                                      | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Đường dẫn vào Trường THCS Tân Xuân                                                        | Ngã tư Bàu Trúc                                                                         | 1,00                     |
| 3     | Đường ĐT753                                                                                                                       | Ngã tư Bàu Trúc                                                                           | Đường Cù Chính Lan                                                                      | 1,35                     |
|       |                                                                                                                                   | Đường Cù Chính Lan                                                                        | Cầu Rạt nhỏ                                                                             | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Cầu Rạt nhỏ                                                                               | Cầu Rạt lớn (Ranh huyện Đồng Phú)                                                       | 1,00                     |
| 4     | Đường Nguyễn Huệ                                                                                                                  | Ngã tư Bàu Trúc                                                                           | Đường Võ Thị Sáu                                                                        | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Đường Võ Thị Sáu                                                                          | Đường Phú Riềng Đỏ                                                                      | 1,00                     |
| 5     | Đường Nguyễn Tri Phương                                                                                                           | Đường Phú Riềng Đỏ                                                                        | Hết tuyến (toàn tuyến)                                                                  | 1,00                     |

| Số TT | Tên đường                                                                                                                         | Đoạn đường                                                                    |                                                                               | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                                                                                                   | Từ                                                                            | Đến                                                                           |                          |
| 6     | Hẻm 752 - Đường Phú Riềng Đỏ                                                                                                      | Toàn tuyến                                                                    |                                                                               | 1,00                     |
| 7     | Đường Cù Chính Lan                                                                                                                | Đường Lê Quý Đôn                                                              | Đường Võ Thị Sáu                                                              | 1,00                     |
| 8     | Đường Trần Tế Xương                                                                                                               | Đường Cù Chính Lan                                                            | Hết ranh đất Công An phường Tân Xuân                                          | 1,00                     |
| 9     | Đường Nguyễn Thông                                                                                                                | Đường Võ Thị Sáu                                                              | Đường Trần Tế Xương                                                           | 1,00                     |
| 10    | Đường Võ Trường Toản                                                                                                              | Đường Võ Thị Sáu                                                              | Đường Trần Tế Xương                                                           | 1,00                     |
| 11    | Đường Võ Thị Sáu                                                                                                                  | Đường Nguyễn Huệ                                                              | Hết ranh đất Trường Mầm Non Hoa Huệ                                           | 1,00                     |
| 12    | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên |                                                                               |                                                                               | 1,00                     |
| 13    | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên   |                                                                               |                                                                               | 1,00                     |
| V     | <b>PHƯỜNG TÂN ĐỒNG</b>                                                                                                            |                                                                               |                                                                               |                          |
| 1     | Quốc lộ 14                                                                                                                        | Ngã tư Đồng Xoài                                                              | Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (tính từ tìm đường Phú Riềng Đỏ + 65m) | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến (tính từ tìm đường Phú Riềng Đỏ + 65m) | Đường Nguyễn Huệ nối dài                                                      | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Đường Nguyễn Huệ nối dài                                                      | Đường Nguyễn Văn Trỗi                                                         | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Đường Nguyễn Văn Trỗi                                                         | Cầu số 2 ranh giới huyện Đồng Phú                                             | 1,00                     |
| 2     | Đường Phú Riềng Đỏ                                                                                                                | Ngã tư Đồng Xoài                                                              | Đường Lý Thường Kiệt                                                          | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Đường Lý Thường Kiệt                                                          | Hẻm 1308 đường Phú Riềng Đỏ                                                   | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Hẻm 1308 đường Phú Riềng Đỏ                                                   | Cổng Trường Cao đẳng Công Nghiệp Cao Su                                       | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Cổng Trường Cao đẳng Công Nghiệp Cao Su                                       | Hết ranh thửa đất cây xăng Quân Đội                                           | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Giáp ranh thửa đất cây xăng Quân Đội                                          | Ranh giới huyện Đồng Phú                                                      | 1,00                     |
| 3     | Đường Nguyễn Huệ nối dài                                                                                                          | Quốc lộ 14                                                                    | Đường Lý Thường Kiệt nối dài                                                  | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Đường Lý Thường Kiệt nối dài                                                  | Đường Lê Lợi                                                                  | 1,00                     |
| 4     | Đường Nguyễn Văn Trỗi                                                                                                             | Quốc lộ 14                                                                    | Đường Lê Lợi                                                                  | 1,00                     |
| 5     | Đường Lê Văn Sỹ                                                                                                                   | Đường Nguyễn Huệ nối dài                                                      | Đường Nguyễn Văn Trỗi                                                         | 1,00                     |

| Số TT     | Tên đường                                                                                                                         | Đoạn đường                                                                              |                                                                                         | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|           |                                                                                                                                   | Từ                                                                                      | Đến                                                                                     |                          |
| 6         | Đường Nguyễn Trường Tộ                                                                                                            | Đường Nguyễn Huệ nối dài                                                                | Đường Nguyễn Văn Trỗi                                                                   | 1,00                     |
| 7         | Đường Ông Ích Khiêm                                                                                                               | Đường Nguyễn Trường Tộ                                                                  | Đường Lê Văn Sỹ                                                                         | 1,00                     |
| 8         | Đường Nguyễn Khuyến                                                                                                               | Đường Nguyễn Trường Tộ                                                                  | Đường Lê Văn Sỹ                                                                         | 1,00                     |
| 9         | Đường Huỳnh Khương Ninh                                                                                                           | Đường Ông Ích Khiêm                                                                     | Đường Nguyễn Khuyến                                                                     | 1,00                     |
| 10        | Đường Lê Lợi                                                                                                                      | Đường Nguyễn Văn Trỗi                                                                   | Đường Lý Thái Tổ                                                                        | 1,00                     |
| 11        | Đường Lý Thái Tổ                                                                                                                  | Đường Lê Lợi                                                                            | Đường Lê Lai                                                                            | 1,00                     |
| 12        | Đường Lê Lai                                                                                                                      | Đường Nguyễn Huệ nối dài                                                                | Đường Lý Thái Tổ                                                                        | 2,00                     |
| 13        | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên |                                                                                         |                                                                                         | 1,00                     |
| 14        | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên   |                                                                                         |                                                                                         | 1,00                     |
| <b>VI</b> | <b>PHƯỜNG TÂN THIỆN</b>                                                                                                           |                                                                                         |                                                                                         |                          |
| 1         | Quốc lộ 14                                                                                                                        | Ngã tư Đồng Xoài                                                                        | Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến tính từ tim đường Phú Riêng Đò +65m              | 1,00                     |
|           |                                                                                                                                   | Ngã tư Đồng Xoài hướng về xã Đồng Tiến tính từ tim đường Phú Riêng Đò +65m              | Đường Nguyễn Huệ                                                                        | 1,00                     |
|           |                                                                                                                                   | Đường Nguyễn Huệ                                                                        | Hết ranh quy hoạch Đường số 2                                                           | 1,00                     |
|           |                                                                                                                                   | Hết ranh quy hoạch Đường số 2                                                           | Cầu số 2 ranh giới huyện Đồng Phú                                                       | 1,00                     |
| 2         | Đường Phú Riêng Đò                                                                                                                | Ngã tư Đồng Xoài                                                                        | Đường Lê Quý Đôn                                                                        | 1,30                     |
| 3         | Đường Lê Quý Đôn                                                                                                                  | Đường Phú Riêng Đò                                                                      | Đường Phú Riêng Đò + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riêng Đò +65m) | 1,00                     |
|           |                                                                                                                                   | Đường Phú Riêng Đò + 65m hướng về Ngã tư Bàu Trúc (tính từ tim đường Phú Riêng Đò +65m) | Đường Ngô Quyền                                                                         | 1,00                     |
|           |                                                                                                                                   | Đường Ngô Quyền                                                                         | Ngã tư Bàu Trúc                                                                         | 1,00                     |
| 4         | Đường ĐT753                                                                                                                       | Ngã tư Bàu Trúc                                                                         | Ngã tư Bàu Trúc + 100m hướng về xã Tân Phước                                            | 1,35                     |
|           |                                                                                                                                   | Ngã tư Bàu Trúc + 100m hướng về xã Tân Phước                                            | Cầu Rạt nhỏ                                                                             | 1,00                     |
|           |                                                                                                                                   | Cầu Rạt nhỏ                                                                             | Cầu Rạt lớn (ranh giới huyện Đồng Phú)                                                  | 1,00                     |

| Số TT | Tên đường                                                                                                                         | Đoạn đường                               |                                                  | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                                                                                                   | Từ                                       | Đến                                              |                          |
| 5     | Đường Nguyễn Huệ                                                                                                                  | Quốc lộ 14                               | Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ                     | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Giáp hẻm 54 đường Nguyễn Huệ             | Đường Số 2                                       | 1,04                     |
|       |                                                                                                                                   | Đường Số 2                               | Ngã tư Bàu Trúc                                  | 1,14                     |
| 6     | Đường Nguyễn Trãi                                                                                                                 | Đường Phú Riêng Đỏ                       | Đường Ngô Quyền                                  | 1,00                     |
| 7     | Đường Hoàng Hoa Thám                                                                                                              | Đường Phú Riêng Đỏ                       | Đường Ngô Quyền                                  | 1,00                     |
| 8     | Đường Bà Triệu                                                                                                                    | Đường Phú Riêng Đỏ                       | Đường Ngô Quyền                                  | 1,00                     |
| 9     | Đường Phạm Ngũ Lão                                                                                                                | Đường Phú Riêng Đỏ                       | Suối Đồng Tiền                                   | 1,00                     |
| 10    | Đường Nguyễn Đình Chiểu                                                                                                           | Đường Phú Riêng Đỏ                       | Suối Đồng Tiền                                   | 1,00                     |
| 11    | Đường Ngô Quyền                                                                                                                   | Đường Lê Quý Đôn                         | Cổng trường tiểu học                             | 1,00                     |
| 12    | Đường Đinh Bộ Lĩnh                                                                                                                | Đường Nguyễn Huệ                         | Đường Trần Quang Khải                            | 1,00                     |
| 13    | Đường Trần Quang Khải                                                                                                             | Đường Nguyễn Huệ                         | Đường Số 2                                       | 1,00                     |
| 14    | Đường Số 2                                                                                                                        | Đường Nguyễn Huệ                         | Đường Trần Quang Khải                            | 1,00                     |
| 15    | Đường N3, N5                                                                                                                      | Toàn tuyến                               |                                                  | 1,00                     |
| 16    | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường chưa được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên |                                          |                                                  | 1,00                     |
| 17    | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn phường đã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 7m trở lên   |                                          |                                                  | 1,00                     |
| VII   | XÃ TIẾN HƯNG                                                                                                                      |                                          |                                                  |                          |
| 1     | ĐT 741                                                                                                                            | Giáp ranh giới phường Tân Bình, Tân Xuân | Giáp ranh giới huyện Đồng Phú                    | 1,30                     |
| 2     | ĐH 507 (Đường Nông Trường)                                                                                                        | ĐT 741                                   | Hết ranh đất Tờ số 22, Thửa số 49                | 2,38                     |
|       |                                                                                                                                   | Giáp ranh đất Tờ số 22, Thửa số 49       | Hết ranh đất Nông Trường                         | 1,67                     |
|       |                                                                                                                                   | Giáp ranh đất Nông Trường                | Đường bộ đội                                     | 1,50                     |
|       |                                                                                                                                   | Đường bộ đội                             | Giáp xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương | 2,00                     |
| 3     | Đường Long An                                                                                                                     | ĐT 741                                   | Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú       | 1,00                     |
| 4     | Đường liên xã đi Tân Hưng - huyện Đồng Phú                                                                                        | ĐT 741 (Trạm Y Tế Xã)                    | Ngã 3 (đường Long An)                            | 1,00                     |
|       |                                                                                                                                   | Ngã 3 (đường Long An)                    | Cầu Rạt xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú              | 1,00                     |

| Số TT | Tên đường                                                                                                                  | Đoạn đường                                |                                           | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                                                                                            | Từ                                        | Đến                                       |                          |
| 5     | Đường vào Khu Công Nghiệp Đồng Xoài 3                                                                                      | ĐT 741                                    | Giáp ranh đất Khu Công Nghiệp Đồng Xoài 3 | 1,00                     |
|       |                                                                                                                            | Giáp ranh đất Khu Công Nghiệp Đồng Xoài 3 | Hết ranh đất Khu Công Nghiệp Đồng Xoài 3  | 1,00                     |
| 6     | Đường nhựa cấp Trường THCS Tiến Hưng                                                                                       | ĐT 741                                    | Giáp khu dân cư 92 ha                     | 1,00                     |
|       |                                                                                                                            | Giáp khu dân cư 92 ha                     | ĐH 507                                    | 1,00                     |
| 7     | Đường nhựa vào bãi rác                                                                                                     | ĐT 741                                    | Hết ranh đất nhà máy xử lý rác            | 1,00                     |
| 8     | Ngõ 493, 477                                                                                                               | ĐT 741                                    | Khu dân cư Tà Bè Gold                     | 1,00                     |
| 9     | Ngõ 461, 445, 427, 419, 401, 393, 371                                                                                      | Toàn tuyến                                |                                           | 1,00                     |
| 10    | Ngõ 466, 434, 364                                                                                                          | Toàn tuyến                                |                                           | 1,00                     |
| 11    | Ngõ 422                                                                                                                    | ĐT 741                                    | Ngõ 354                                   | 1,00                     |
| 12    | Ngõ 354                                                                                                                    | ĐT 741                                    | Ngõ 364                                   | 1,00                     |
| 13    | Ngõ 326, 292, 282, 280                                                                                                     | Toàn tuyến                                |                                           | 1,00                     |
| 14    | Ngõ 246, 212, 182, 136, 68                                                                                                 | Toàn tuyến                                |                                           | 1,00                     |
| 15    | Ngõ 226, 202, 160,                                                                                                         | Toàn tuyến                                |                                           | 1,00                     |
| 16    | Ngõ 22, 44                                                                                                                 | Toàn tuyến                                |                                           | 1,27                     |
| 17    | Ngõ 2                                                                                                                      | Toàn tuyến                                |                                           | 1,33                     |
| 18    | Ngõ 49, 67, 91, 113, 129, 145, 167, 187, 197, 227,                                                                         | Toàn tuyến                                |                                           | 1,00                     |
| 19    | Ngõ 251, 281, 301,                                                                                                         | Toàn tuyến                                |                                           | 1,00                     |
| 20    | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 3,5m trở lên |                                           |                                           | 1,00                     |
| 21    | Các tuyến đường giao thông còn lại                                                                                         |                                           |                                           | 1,00                     |
| 22    | Các tuyến đường trong Khu dân cư Sando                                                                                     |                                           |                                           | 1,00                     |

| Số TT | Tên đường                                                                                                                  | Đoạn đường                               |                                      | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                                                                                            | Từ                                       | Đến                                  |                          |
| VIII  | XÃ TÂN THÀNH                                                                                                               |                                          |                                      |                          |
| 1     | Quốc lộ 14                                                                                                                 | Giáp ranh giới xã Tân Thành - Tiến Thành | Cổng Nông trường cao su Tân Thành    | 2,00                     |
|       |                                                                                                                            | Cổng Nông trường cao su Tân Thành        | Hết ranh UBND xã Tân Thành           | 1,67                     |
|       |                                                                                                                            | Giáp ranh UBND xã Tân Thành              | Giáp ranh huyện Chơn Thành           | 2,00                     |
| 2     | Đường vào Trạm xá K23                                                                                                      | Quốc lộ 14                               | Đường vào nhà văn hóa ấp 2           | 1,00                     |
|       |                                                                                                                            | Đường vào nhà văn hóa ấp 2               | Cầu Quận 3                           | 1,00                     |
| 3     | Đường bên hông Trường Quân Sự địa phương ấp 6                                                                              | Quốc lộ 14                               | Hết ranh đất nhà ông Trương Tấn Việt | 1,00                     |
|       |                                                                                                                            | Giáp ranh đất nhà ông Trương Tấn Việt    | Cầu Bung Sê                          | 1,40                     |
| 4     | Đường nhựa Việt Úc                                                                                                         | Quốc lộ 14                               | Hết ranh đất nhà văn hóa ấp 7        | 1,00                     |
|       |                                                                                                                            | Giáp ranh đất nhà văn hóa ấp 7           | Cuối đường                           | 1,00                     |
| 5     | Đường vào Trung tâm Khuyến Nông                                                                                            | Quốc lộ 14                               | Cổng Khu Nông Nghiệp Công Nghệ Cao   | 1,00                     |
| 6     | Khu Dân Cư Trung Tâm Khuyến Nông                                                                                           | Các tuyến đường trong Dân cư             |                                      | 1,00                     |
| 7     | Khu Dân Cư Tuấn Trang                                                                                                      | Các tuyến đường trong Dân cư             |                                      | 1,00                     |
| 8     | Khu dân cư Cán bộ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh                                             | Đường số 01                              |                                      | 1,00                     |
|       |                                                                                                                            | Đường số 02                              |                                      | 1,00                     |
|       |                                                                                                                            | Đường số 3                               |                                      | 1,00                     |
|       |                                                                                                                            | Đường số 4                               |                                      | 1,00                     |
|       |                                                                                                                            | Đường số 6, số 7, số 8                   |                                      | 1,00                     |
| 9     | Các tuyến đường giao thông còn lại trên địa bàn xã được đầu tư tráng nhựa, đổ bê tông có bề rộng mặt đường từ 3,5m trở lên |                                          |                                      | 1,00                     |
| 10    | Các tuyến đường giao thông còn lại                                                                                         |                                          |                                      | 1,00                     |
| 11    | Các tuyến đường trong Khu dân cư Việt Phương                                                                               |                                          |                                      | 1,00                     |

## 2. THỊ XÃ BÌNH LONG

| Số TT    | Tên đường             | Đoạn đường                   |                        | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|----------|-----------------------|------------------------------|------------------------|--------------------------|
|          |                       | Từ                           | Đến                    |                          |
| <b>I</b> | <b>PHƯỜNG AN LỘC</b>  |                              |                        |                          |
| 1        | Đường Lý Tự Trọng     | Đường Lê Lợi                 | Đường Hùng Vương       | 1,10                     |
| 2        | Đường Trần Hưng Đạo   | Đường Nguyễn Huệ             | Đường Trần Phú         | 1,10                     |
| 3        | Đường Lê Lợi          | Đường Đinh Tiên Hoàng        | Đường Ngô Quyền        | 1,10                     |
| 4        | Đường Phạm Ngọc Thạch | Đường Lê Lợi                 | Đường Trần Hưng Đạo    | 1,10                     |
|          |                       | Đường Trần Hưng Đạo          | Đường Phan Bội Châu    | 1,10                     |
| 5        | Đường Lê Quý Đôn      | Đường Trần Hưng Đạo          | Đường Nguyễn Huệ       | 1,10                     |
|          |                       | Đường Trần Hưng Đạo          | Đường Phan Bội Châu    | 1,10                     |
| 6        | Đường Nguyễn Huệ      | Đường Phan Bội Châu          | Đường Hùng Vương       | 1,10                     |
|          |                       | Đường Hùng Vương             | Đường Ngô Quyền (cũ)   | 1,10                     |
|          |                       | Đường Ngô Quyền (cũ)         | Đường Nguyễn Thái Học  | 1,10                     |
| 7        | Đường Võ Thị Sáu      | Đường Lê Lợi                 | Đường Hùng Vương       | 1,10                     |
| 8        | Đường Hùng Vương      | Đường Nguyễn Huệ             | Đường Ngô Quyền        | 1,10                     |
|          |                       | Đường Ngô Quyền              | Đường Trần Phú         | 1,10                     |
|          |                       | Đường Trần Phú               | Đường Đoàn Thị Điểm    | 1,10                     |
| 9        | Đường ĐT 752          | Ngã ba đường Trần Quang Khải | Ngã 3 ông Mười         | 1,10                     |
|          |                       | Ngã 3 ông Mười               | Ngã 3 xe tăng          | 1,10                     |
|          |                       | Ngã 3 xe tăng                | Giáp ranh xã Minh Tâm  | 1,10                     |
| 10       | Đường Ngô Quyền       | Đường Nguyễn Huệ             | Ngã ba đường ALT 1     | 1,10                     |
|          |                       | Ngã ba đường ALT 1           | Đường Trừ Văn Thố      | 1,10                     |
|          |                       | Đường Trừ Văn Thố            | Đường Hàm Nghi         | 1,10                     |
|          |                       | Đường Hàm Nghi               | Đường Phan Bội Châu    | 1,10                     |
| 11       | Đường Phan Bội Châu   | Đường Nguyễn Huệ             | Đường Ngô Quyền        | 1,10                     |
|          |                       | Đường Ngô Quyền              | Đường Đoàn Thị Điểm    | 1,10                     |
|          |                       | Đường Đoàn Thị Điểm          | Ngã ba ông Chín Song   | 1,10                     |
| 12       | Đường Trừ Văn Thố     | Đường Nguyễn Huệ             | Đường Ngô Quyền        | 1,10                     |
|          |                       | Đường Ngô Quyền              | Đường Trần Phú         | 1,10                     |
| 13       | Đường Trần Phú        | Đường Phan Bội Châu          | Đường Bùi Thị Xuân     | 1,10                     |
|          |                       | Đường Bùi Thị Xuân           | Đường Ngô Quyền        | 1,10                     |
| 14       | Đường Hàm Nghi        | Đường Đoàn Thị Điểm          | Đường Trần Phú         | 1,10                     |
|          |                       | Đường Trần Phú               | Đường Lê Quý Đôn       | 1,10                     |
| 15       | Đường Đinh Tiên Hoàng | Đường Thủ Khoa Huân          | Đường Trừ Văn Thố      | 1,10                     |
|          |                       | Đường Trừ Văn Thố            | Đường Trần Hưng Đạo    | 1,10                     |
|          |                       | Đường Trần Hưng Đạo          | Đường Hàm Nghi         | 1,10                     |
| 16       | Đường Bùi Thị Xuân    | Đường Nguyễn Huệ             | Đường Ngô Quyền        | 1,10                     |
|          |                       | Đường Ngô Quyền              | Cuối đường (giáp suối) | 1,10                     |

| Số TT     | Tên đường                                                                                                                                                                                          | Đoạn đường                        |                                               | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------|
|           |                                                                                                                                                                                                    | Từ                                | Đến                                           |                          |
| 17        | Đường Thủ Khoa Huân                                                                                                                                                                                | Đường Nguyễn Huệ                  | Đường Ngô Quyền                               | 1,10                     |
|           |                                                                                                                                                                                                    | Đường Ngô Quyền                   | Đường Đoàn Thị Điểm                           | 1,10                     |
| 18        | Đường Đoàn Thị Điểm                                                                                                                                                                                | Đường Phan Bội Châu               | Đường Hùng Vương                              | 1,10                     |
|           |                                                                                                                                                                                                    | Đường Hùng Vương                  | Đường Nguyễn Thái Học                         | 1,10                     |
| 19        | Đường Nguyễn Thái Học                                                                                                                                                                              | Đường Nguyễn Huệ                  | Đường Đoàn Thị Điểm                           | 1,10                     |
| 20        | Đường Tú Xương                                                                                                                                                                                     | Đường Trần Phú                    | Đường Đoàn Thị Điểm                           | 1,10                     |
| 21        | Đường nhựa                                                                                                                                                                                         | Ngã ba xe Tăng                    | Cuối đường nhựa ấp Sóc Du                     | 1,10                     |
| 22        | Đường ALT 1                                                                                                                                                                                        | Đường Ngô Quyền                   | Trụ sở khu phố Bình Tân                       | 1,10                     |
|           |                                                                                                                                                                                                    | Trụ sở khu phố Bình Tân           | Cuối đường nhựa hiện hữu                      | 1,10                     |
| 23        | Đường ALT 2                                                                                                                                                                                        | Đường ĐT 752                      | Ngã ba Cây Xoài đôi                           | 1,10                     |
| 24        | Đường ALT 3                                                                                                                                                                                        | Đường ĐT 752                      | Đường ALT 1                                   | 1,10                     |
| 25        | Đường ALT 4                                                                                                                                                                                        | Ngã ba xe tăng                    | Đường đi xã An Phú                            | 1,10                     |
| 26        | Đường ALT 5                                                                                                                                                                                        | Đường Đoàn Thị Điểm               | Giáp ranh xã Thanh Phú                        | 1,10                     |
| 27        | Đường ALT 7                                                                                                                                                                                        | Cuối Đường ALT 1                  | Đường ALT 3                                   | 1,10                     |
| 28        | Đường ALT 11                                                                                                                                                                                       | Đường ĐT 752                      | Hết đất ông Lê Trường Thương                  | 1,10                     |
| 29        | Đường ALT 12                                                                                                                                                                                       | Đầu ranh đất bà Phạm Thị Hồng Vân | Đường ALT 14                                  | 1,10                     |
|           |                                                                                                                                                                                                    | Đường ALT 14                      | Hết ranh đất nhà ông Vũ Thanh Huy             | 1,10                     |
| 30        | Đường ALT 13                                                                                                                                                                                       | Đầu ranh đất bà Phạm Thị Lê       | Hết ranh đất nhà ông ba Đậu                   | 1,10                     |
| 31        | Đường ALT 14                                                                                                                                                                                       | Cổng ông Tráng                    | Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Anh Tài           | 1,10                     |
| 32        | Đường ALT 15                                                                                                                                                                                       | Đường Ngô Quyền (nhà bà Na)       | Đường Nguyễn Thái Học                         | 1,10                     |
| 33        | Đường ALT 16                                                                                                                                                                                       | Đường ĐT 752                      | Đường nhựa vào Sóc Du                         | 1,10                     |
|           |                                                                                                                                                                                                    | Ngã 3 ALT 6                       | Đường ALT 3                                   | 1,10                     |
| 34        | Đường ALT 18                                                                                                                                                                                       | Đường ALT 4                       | Cuối đường đất giáp ranh xã An Phú - Hớn Quản | 1,10                     |
| 35        | Các đường nội bộ trong khu phố, ấp thuộc phường An Lộc có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 6m và đường mới mở từ 7m - 10m nếu không tiếp giáp đường đã xác định giá |                                   |                                               | 1,10                     |
| 36        | Các thửa đất tiếp giáp đường (theo bản đồ chính quy dưới 3m) và các thửa đất không tiếp giáp đường đi hoặc tiếp giáp đường đi dọc theo các lô cao su mà không thể hiện trên bản đồ chính quy       |                                   |                                               | 1,10                     |
| <b>II</b> | <b>PHƯỜNG HƯNG CHIẾN</b>                                                                                                                                                                           |                                   |                                               |                          |
| 1         | Đường Nguyễn Huệ                                                                                                                                                                                   | Đường Nguyễn Văn Trỗi             | Đường Phan Bội Châu                           | 1,10                     |
| 2         | Đường Trần Quốc Thảo                                                                                                                                                                               | Đường Trần Tế Xương               | Đường Lê Quang Định                           | 1,10                     |
| 3         | Đường Nguyễn Bình Khiêm                                                                                                                                                                            | Quốc Lộ 13                        | Đường Trần Quốc Thảo                          | 1,10                     |
|           |                                                                                                                                                                                                    | Đường Trần Quốc Thảo              | Đường Lê Quang Định                           | 1,10                     |

| Số TT | Tên đường                                      | Đoạn đường                          |                                         | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                | Từ                                  | Đến                                     |                          |
| 4     | Đường Lê Quang Định                            | Quốc Lộ 13                          | Đường Hải Thượng Lãn Ông                | 1,10                     |
| 5     | Đường Nguyễn Đình Chiểu                        | Quốc Lộ 13                          | Đường Nguyễn Bình Khiêm                 | 1,10                     |
| 6     | Đường Trần Tế Xương                            | Quốc Lộ 13                          | Đường Nguyễn Bình Khiêm                 | 1,10                     |
| 7     | Đường Hải Thượng Lãn Ông                       | Đường Trần Tế Xương                 | Đường Lê Quang Định                     | 1,10                     |
| 8     | Đường Lê Quý Đôn<br>(đoạn bùng binh Bình Long) | Đường Nguyễn Huệ                    | Đường Phan Bội Châu                     | 1,10                     |
| 9     | Quốc lộ 13                                     | Đường Nguyễn Văn Trỗi               | Đường Lương Thế Vinh                    | 1,10                     |
|       |                                                | Đường Lương Thế Vinh                | Giáp ranh xã Thanh Bình, huyện Hớn Quản | 1,10                     |
| 10    | Đường Phan Bội Châu                            | Đường Nguyễn Huệ                    | Đường Ngô Quyền                         | 1,10                     |
|       |                                                | Đường Ngô Quyền                     | Đường Đoàn Thị Điểm                     | 1,10                     |
|       |                                                | Đường Đoàn Thị Điểm                 | Đường Trần Quang Khải                   | 1,10                     |
| 11    | Đường ĐT 752                                   | Đường Trần Quang Khải               | Đường HCT 1                             | 1,10                     |
|       |                                                | Đường HCT 1                         | Ngã Ba Xe Tăng                          | 1,10                     |
|       |                                                | Ngã Ba Xe Tăng                      | đường HCT 3                             | 1,10                     |
| 12    | Đường Phạm Ngọc Thạch                          | Đường Phan Bội Châu                 | Đường Lê Hồng Phong                     | 1,10                     |
| 13    | Đường Lê Hồng Phong                            | Đường Nguyễn Huệ                    | Đường Phạm Ngọc Thạch                   | 1,10                     |
|       |                                                | Đường Phạm Ngọc Thạch               | Đường Trần Quang Khải                   | 1,10                     |
| 14    | Đường Nguyễn Văn Trỗi                          | Đường Nguyễn Huệ                    | Hết đất Kho vật tư cũ                   | 1,10                     |
| 15    | Đường Nguyễn Chí Thanh                         | Đường Nguyễn Huệ                    | Đường Phạm Ngọc Thạch                   | 1,10                     |
| 16    | Đường Đoàn Thị Điểm                            | Đường Phan Bội Châu                 | Đường Nguyễn Văn Trỗi                   | 1,10                     |
| 17    | Đường Sư Vạn Hạnh<br>(Đường lòng hồ Sa Cát cũ) | Đường Lương Thế Vinh                | Cuối đường                              | 1,10                     |
| 18    | Đường Cao Bá Quát<br>(Đường lòng hồ Sa Cát cũ) | Đường Lương Thế Vinh                | Cuối đường                              | 1,10                     |
| 19    | Đường Trần Quang Khải<br>(Đường HCT2 cũ )      | Đường ĐT 752 (Ngã ba ông Chín Sòng) | Đường HCT 2 (Ngã 3 Hưng Phú)            | 1,10                     |
| 20    | Đường Lê Đại Hành                              | Quốc lộ 13 (Ngã 3 Phở Duyệt)        | Ngã ba Trụ sở khu phố Xa Cam 2          | 1,10                     |
|       |                                                | Ngã ba trụ sở Khu phố Xa Cam 2      | Cuối đường                              | 1,10                     |
| 21    | Đường Lương Thế Vinh<br>(Đường HCT19 cũ)       | Quốc lộ 13 (Ngã ba Xa Cam)          | Đường Cao Bá Quát                       | 1,10                     |
| 22    | Đường Ngô Quyền                                | Đường Phan Bội Châu                 | Đường Phạm Ngọc Thạch                   | 1,10                     |
| 23    | Đường Nguyễn Trãi                              | Đường Nguyễn Huệ                    | Đường Đoàn Thị Điểm                     | 1,10                     |
| 24    | Đường HCT 1                                    | Đường ĐT 752                        | Ngã ba nhà ông Tóa                      | 1,10                     |
|       |                                                | Ngã ba nhà ông Tóa                  | Đường Trần Quang Khải                   | 1,10                     |
| 25    | Đường HCT 2                                    | Đường Trần Quang Khải               | Đường Nguyễn Văn Trỗi                   | 1,10                     |



| Số TT | Tên đường                                                  | Đoạn đường                                   |                                                  | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                            | Từ                                           | Đến                                              |                          |
| 26    | Đường HCT 3 (Đường giáp ranh xã Minh Tâm - huyện Hớn Quản) | Đường HCT 4                                  | Đường ĐT 752                                     | 1,10                     |
| 27    | Đường HCT 4                                                | Đường Cao Bá Quát                            | Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh               | 1,10                     |
|       |                                                            | Ngã tư đội I Nông trường Bình Minh           | Đường HCT 3                                      | 1,10                     |
| 28    | Đường HC T5 (đường giáp ranh xã Thanh Bình - Hớn Quản)     | Quốc Lộ 13                                   | hết Tuyến                                        | 1,10                     |
| 29    | Đường HCT 6                                                | Ngã 3 Đường HCT 7 (Nhà ông Mười Bào)         | Đường Đoàn Thị Điểm                              | 1,10                     |
| 30    | Đường HCT 7 (Nhánh)                                        | Đường ĐT 752 (Cổng chào Kp. Hưng Thịnh)      | Đường HCT 7 (Giáp ranh đất nhà ông Quyết)        | 1,10                     |
| 31    | Đường HCT 7                                                | Đường Trần Quang Khải                        | Ngã ba đường HCT1 (ngã ba nhà ông Tòa)           | 1,10                     |
| 32    | Đường HCT 7 (Nối dài)                                      | Đường Đoàn Thị Điểm                          | Đường Trần Quang Khải                            | 1,10                     |
| 33    | Đường HCT 8                                                | Ngã tư Bình Ninh II                          | Đường HCT3                                       | 1,10                     |
| 34    | Đường HCT 8                                                | ĐT 752                                       | Ngã tư Bình Ninh II                              | 1,10                     |
| 35    | Đường HCT 19                                               | Đường ĐT 752 (Trụ sở UBND phường Hưng Chiến) | Giáp ranh phường An Lộc                          | 1,10                     |
| 36    | Đường HCT T21                                              | Hết đất Kho vật tư cũ                        | Đường HC T24                                     | 1,10                     |
|       |                                                            | Đường HC T24                                 | Đường HC T22                                     | 1,10                     |
|       |                                                            | Đường HC T1                                  | Đường HC T3                                      | 1,10                     |
| 37    | Đường HCT 23                                               | Đường HCT 21                                 | Đường HCT 25                                     | 1,10                     |
| 38    | Đường HCT 24                                               | Đường HCT 21                                 | Ngã ba đội 1 nông trường Bình Minh               | 1,10                     |
| 39    | Đường HCT 25                                               | Đường HCT 23                                 | Hết tuyến                                        | 1,10                     |
| 40    | Đường HCT 26                                               | đường Lê Đại Hành (Ngã 3 trụ sở Xa Cam II)   | Đường Lương Thế Vinh                             | 1,10                     |
| 41    | Đường ALT 4                                                | Ngã ba xe tăng                               | Cột mốc 2 mặt (ranh phường An Lộc và Hưng Chiến) | 1,10                     |
| 42    | Đường PD T9                                                | Quốc lộ 13                                   | Ranh giới xã Thanh Bình                          | 1,10                     |

| Số TT | Tên đường                                                                                                                                                                                                                                 | Đoạn đường                                         |                                        | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                           | Từ                                                 | Đến                                    |                          |
| 43    | Các đường nội bộ trong khu phố, ấp thuộc phường Hưng Chiến chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 6m                                                                                     |                                                    |                                        | 1,10                     |
| 44    | Các đường nội bộ trong khu phố, ấp thuộc phường Hưng Chiến không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi tự phát theo các lô cao su |                                                    |                                        | 1,10                     |
| III   | PHƯỜNG PHÚ THỊNH                                                                                                                                                                                                                          |                                                    |                                        |                          |
| 1     | Đường Nguyễn Huệ                                                                                                                                                                                                                          | Đường Trần Hưng Đạo                                | Đường Hùng Vương                       | 1,05                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                           | Đường Hùng Vương                                   | Đường Ngô Quyền (cũ)                   | 1,05                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                           | Đường Ngô Quyền (cũ)                               | Đường Nguyễn Thái Học (ngã ba Phú Lạc) | 1,05                     |
| 2     | Đường Trần Hưng Đạo                                                                                                                                                                                                                       | Đường Nguyễn Huệ                                   | Đường Lý Thường Kiệt                   | 1,05                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                           | Đường Lý Thường Kiệt                               | Ngã 3 Cây Điệp                         | 1,05                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                           | Ngã 3 Cây Điệp                                     | Ranh giới xã Tân Lợi                   | 1,05                     |
| 3     | Đường Hùng Vương                                                                                                                                                                                                                          | Đường Nguyễn Huệ                                   | Đường Nguyễn Du                        | 1,05                     |
| 4     | Đường Nguyễn Du                                                                                                                                                                                                                           | Đường Trần Hưng Đạo                                | Đường Nơ Trang Long                    | 1,05                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                           | Đường Nơ Trang Long                                | Đường Nguyễn Huệ                       | 1,05                     |
| 5     | Đường Hồ Xuân Hương                                                                                                                                                                                                                       | Đường Nguyễn Huệ                                   | Đường Nguyễn Du                        | 1,05                     |
| 6     | Đường Chu Văn An                                                                                                                                                                                                                          | Đường Nguyễn Huệ                                   | Đường Trần Hưng Đạo                    | 1,05                     |
| 7     | Đường Nơ Trang Long                                                                                                                                                                                                                       | Đường Nguyễn Huệ                                   | Đường ray xe lửa                       | 1,04                     |
| 8     | Đường Bà Triệu                                                                                                                                                                                                                            | Trụ sở UBND phường Phú Thịnh                       | Đường Nguyễn Du                        | 1,06                     |
| 9     | Đường Hai Bà Trưng                                                                                                                                                                                                                        | Đường Trần Hưng Đạo                                | Trụ sở UBND phường Phú Thịnh           | 1,05                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                           | Trụ sở UBND phường Phú Thịnh (cách Đường PTT1 50m) | Ngã ba nhà ông Trịnh                   | 1,05                     |
| 10    | Đường Hồ Tùng Mậu (Đường PTT 6 cũ)                                                                                                                                                                                                        | Đường Trần Hưng Đạo                                | Cầu Sắt                                | 1,05                     |
| 11    | Đường PTT 4                                                                                                                                                                                                                               | Ngã ba Phú Lạc (cách đường Nguyễn Huệ 200m)        | Ngã ba nhà ông Dân                     | 1,05                     |
| 12    | Đường PTT 22                                                                                                                                                                                                                              | Ngã ba nhà ông Dân                                 | Ngã ba cuối đất nhà bà Long            | 1,05                     |
| 13    | Đường PTT 3                                                                                                                                                                                                                               | Đường ray xe lửa                                   | Ngã ba nhà ông Danh                    | 1,05                     |
| 14    | Đường tổ 2 KP Phú Xuân                                                                                                                                                                                                                    | Đường Nơ Trang Long                                | Đường Nguyễn Du                        | 1,05                     |
| 15    | Các đường nội bộ trong khu phố, ấp thuộc phường Phú Thịnh chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 6m. Đường mới mở 7m - 10m                                                               |                                                    |                                        | 1,05                     |
| 16    | Các đường nội bộ trong khu phố, ấp thuộc phường Phú Thịnh không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi mới theo các lô cao su      |                                                    |                                        | 1,05                     |

| Số TT | Tên đường                               | Đoạn đường                                         |                                                    | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                         | Từ                                                 | Đến                                                |                          |
| IV    | PHƯỜNG PHÚ ĐỨC                          |                                                    |                                                    |                          |
| 1     | Đường Nguyễn Huệ                        | Đường Lê Đại Hành                                  | Đường Trần Hưng Đạo                                | 1,05                     |
| 2     | Đường Trần Hưng Đạo                     | Đường Nguyễn Huệ                                   | Đường Lý Thường Kiệt                               | 1,05                     |
|       |                                         | Đường Lý Thường Kiệt                               | Đường Ngã ba cây Diệp (Đường vào phường Phú Thịnh) | 1,05                     |
|       |                                         | Đường Ngã ba cây Diệp (Đường vào phường Phú Thịnh) | Giáp ranh xã Tân Lợi                               | 1,05                     |
| 3     | Đường Phan Bội Châu                     | Đường Nguyễn Huệ                                   | Đường Nguyễn Du                                    | 1,05                     |
| 4     | Đường Lý Thường Kiệt                    | Đường Trần Hưng Đạo                                | Đường Phan Bội Châu                                | 1,05                     |
| 5     | Đường Nguyễn Trãi                       | Đường Nguyễn Huệ                                   | Đường Nguyễn Du                                    | 1,05                     |
| 6     | Đường Nguyễn Du                         | Đường Nguyễn Trãi                                  | Đường Trần Hưng Đạo                                | 1,05                     |
| 7     | Quốc lộ 13                              | Đường Nguyễn Thị Minh Khai                         | Đường Lê Đại Hành                                  | 1,00                     |
| 8     | Đường Nguyễn Du (Tây đường)             | Đường Nguyễn Huệ                                   | Đường Nguyễn Trãi                                  | 1,00                     |
| 9     | Đường Nguyễn Du (Đông đường)            | Đường Nguyễn Huệ                                   | Đường Nguyễn Trãi                                  | 1,05                     |
| 10    | Đường Huỳnh Văn Nghệ                    | Đường Phan Bội Châu                                | Cuối đường                                         | 1,05                     |
| 11    | Đường Nguyễn Trung Trực                 | Đường Nguyễn Du                                    | Đường Lê Đại Hành                                  | 1,05                     |
| 12    | Đường Lê Đại Hành                       | Quốc lộ 13                                         | Đường Nguyễn Trung Trực                            | 1,05                     |
| 13    | Đường Huỳnh Thúc Kháng (Đường PĐT 1 cũ) | Đường Trần Hưng Đạo (Cách 200m)                    | Cầu Ba Kiềm                                        | 1,05                     |
| 14    | Đường PĐT 1                             | Đường Nguyễn Trung Trực                            | Cầu Ba Kiềm                                        | 1,05                     |
| 15    | Đường PĐT 2                             | Đường PĐT 1                                        | Giáp ranh xã Tân Lợi                               | 1,05                     |
| 16    | Đường PĐT 3                             | Đường Huỳnh Thúc Kháng (Đường PĐT 1 cũ)            | Hết ranh đất nhà ông Bình (suối cầu đỏ)            | 1,05                     |
| 17    | Đường PĐT 4                             | Đường Trần Hưng Đạo (Cách 200m)                    | Đường Nguyễn Trung Trực                            | 1,05                     |
| 18    | Đường PĐT 5                             | Đường Huỳnh Thúc Kháng                             | Đường PĐT 4                                        | 1,05                     |
| 19    | Đường PĐT 6                             | Đường PĐT 5                                        | Giáp suối Cầu Đỏ                                   | 1,05                     |
| 20    | Đường PĐT 7                             | Giáp Đường PĐT 2                                   | Giáp ranh Hón Quán (Đường PĐT 9)                   | 1,05                     |
| 21    | Đường PĐT 8                             | Đường PĐT 9                                        | Giáp ranh xã Tân Lợi - Hón Quán (Giáp Đường PĐT 7) | 1,05                     |
| 22    | Đường PĐT 9                             | Đường PĐT 2                                        | Ngã ba Thanh Bình (Ngã ba nhà ông Duyên)           | 1,05                     |
|       |                                         | Giáp ranh đất lô cao su                            | Ngã ba Thanh Bình (Ngã ba nhà ông Duyên)           | 1,05                     |
|       |                                         | Ngã ba Thanh Bình                                  | Giáp ranh xã Tân Lợi                               | 1,05                     |

| Số TT | Tên đường                                                                                                                                                                                                                              | Đoạn đường                       |                                       | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                        | Từ                               | Đến                                   |                          |
| 23    | Đường PĐT 10                                                                                                                                                                                                                           | Đường PĐT 1                      | Hết ranh đất nhà ông Hạnh             | 1,05                     |
| 24    | Đường PĐT 11                                                                                                                                                                                                                           | Đường Nguyễn Du                  | Đường Lê Đại Hành                     | 1,05                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                        | Đường Lê Đại Hành                | Đường PĐT 12                          | 1,05                     |
| 25    | Đường PĐT 12                                                                                                                                                                                                                           | Quốc lộ 13                       | Đường PĐT 9                           | 1,05                     |
| 26    | Đường ven kênh Cầu Trắng (PĐT 13 )                                                                                                                                                                                                     | Đường Trần Hưng Đạo              | Cầu Ba Kiềm                           | 1,05                     |
| 27    | Đường ven kênh Cầu Trắng (PĐT 14)                                                                                                                                                                                                      | Đường Trần Hưng Đạo              | Cầu Ba Kiềm                           | 1,05                     |
| 28    | Đường ven kênh Cầu Trắng (Hai bên đường)                                                                                                                                                                                               | Cầu Ba Kiềm                      | Đường PĐT 9                           | 1,05                     |
| 29    | Đường Lê Thị Hồng Gấm (T2 Lý Thường Kiệt cũ)                                                                                                                                                                                           | Đường Phan Bội Châu              | Đường Trần Hưng Đạo                   | 1,05                     |
| 30    | Đường Đinh Công Tráng (D1 KDC Thị ủy cũ)                                                                                                                                                                                               | Đường Nguyễn Trãi                | Đường Phan Bội Châu                   | 1,05                     |
| 31    | Đường Nguyễn Đức Cảnh (D2 KDC Thị ủy cũ)                                                                                                                                                                                               | Đường Nguyễn Trãi                | Đường Phan Bội Châu                   | 1,05                     |
| 32    | Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Đường vào UBND Phú Đức cũ)                                                                                                                                                                                 | Quốc lộ 13                       | Đường PĐT 12                          | 1,00                     |
| 33    | Các đường nội bộ trong khu phố, ấp thuộc phường Phú Đức chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu rộng từ 7m đến 10m                                                                                                                  |                                  |                                       | 1,05                     |
| 34    | Các đường nội bộ trong khu phố, ấp thuộc phường Phú Đức chưa có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng từ 03m đến dưới 6m                                                                                     |                                  |                                       | 1,05                     |
| 35    | Các đường nội bộ trong khu phố, ấp thuộc phường Phú Đức không có tên đường và có mặt đường hiện hữu (theo bản đồ chính quy) rộng dưới 03m; các thửa đất không giáp đường đi chung; các thửa đất có đường đi tự phát theo các lô cao su |                                  |                                       | 0,05                     |
| V     | <b>XÃ THANH LƯƠNG</b>                                                                                                                                                                                                                  |                                  |                                       |                          |
| 1     | Quốc lộ 13                                                                                                                                                                                                                             | Giáp ranh xã Thanh Phú           | Hết ranh đất nhà ông Tuyển Nhật       | 1,09                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                        | Giáp ranh đất nhà ông Tuyển Nhật | Đường TLT 18                          | 1,10                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                        | Đường TLT 18                     | Đường TLT 15                          | 1,08                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                        | Đường TLT 15                     | Đường vào nhà máy xi măng             | 1,08                     |
|       |                                                                                                                                                                                                                                        | Đường vào nhà máy xi măng        | Đến Cầu Cản Lê , giáp ranh Lộc Ninh   | 1,07                     |
| 2     | Đường ĐT 757                                                                                                                                                                                                                           | Quốc lộ 13                       | Giáp ranh xã An Khương huyện Hớn Quản | 1,06                     |
| 3     | Đường bao quanh chợ                                                                                                                                                                                                                    | Toàn tuyến                       |                                       | 1,10                     |
| 4     | Đường vào nhà máy xi măng                                                                                                                                                                                                              | Quốc lộ 13                       | Cuối đường đã thâm nhựa               | 1,07                     |

| Số<br>TT  | Tên đường                                                                                  | Đoạn đường                       |                                 | Hệ số<br>điều chỉnh<br>giá đất |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
|           |                                                                                            | Từ                               | Đến                             |                                |
| 5         | Các tuyến đường rộng từ 7m trở lên                                                         |                                  |                                 | 1,07                           |
| 6         | Các tuyến đường bê tông, giao thông nông thôn từ 3,5 m đến dưới 7m (theo bản đồ chính quy) |                                  |                                 | 1,07                           |
| 7         | Các tuyến còn lại                                                                          |                                  |                                 | 1,06                           |
| <b>VI</b> | <b>XÃ THANH PHÚ</b>                                                                        |                                  |                                 |                                |
| 1         | Quốc lộ 13                                                                                 | Ranh giới An Lộc - Thanh Phú     | Ngã ba Sóc Bể                   | 1,10                           |
|           |                                                                                            | Ngã ba Sóc Bể                    | Hết ranh đất Cây xăng Thanh Phú | 1,09                           |
|           |                                                                                            | Giáp ranh đất Cây xăng Thanh Phú | Hết ranh đất Nông Trường Xa Cam | 1,10                           |
|           |                                                                                            | Giáp ranh đất Nông Trường Xa Cam | Giáp ranh xã Thanh Lương        | 1,09                           |
| 2         | Đường bao quanh khu dân cư chợ xã Thanh Phú                                                | Toàn tuyến                       |                                 | 1,07                           |
| 3         | Đường TP T 22                                                                              | Đường rầy xe lửa (cũ)            | Ngã ba cuối đất nhà bà Long     | 1,07                           |
| 4         | Các tuyến đường bê tông, giao thông nông thôn từ 3,5 m trở lên (theo bản đồ chính quy)     |                                  |                                 | 1,07                           |
| 5         | Các tuyến còn lại                                                                          |                                  |                                 | 1,07                           |

## 3. THỊ XÃ PHƯỚC LONG

| Số TT | Tên đường                                                     | Đoạn đường                                                                      |                                                                         | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                               | Từ                                                                              | Đến                                                                     |                          |
| I     | XÃ PHƯỚC TÍN                                                  |                                                                                 |                                                                         |                          |
| 1     | Đường Thống Nhất (ĐT 759)                                     | Giáp ranh Phường Phước Bình hướng về ngã ba Phước Quả                           | Hết ranh đất nhà ông Ngô Xuân (quán cà phê Quê Hương)                   | 1,30                     |
|       |                                                               | Hết ranh đất nhà ông Ngô Xuân (quán cà phê Quê Hương) hướng về ngã ba Phước Quả | Hết ranh trường THCS (chợ tạm xã Phước Tín) hướng Bù Đăng               | 1,30                     |
|       |                                                               | Hết ranh trường THCS (chợ tạm xã Phước Tín) hướng Bù Đăng                       | Giáp ranh xã Phước Tân                                                  | 1,30                     |
| 2     | Đường Điện Biên Phủ (đường Trung tâm xã Phước Tín)            | Ngã ba Phước Quả                                                                | Ngã 3 ranh thôn Phước Quả với Phước Lộc (Ngã 3 nhà ông Hoàng Thanh Đức) | 1,30                     |
|       |                                                               | Ngã 3 ranh thôn Phước Quả với Phước Lộc (Ngã 3 nhà ông Hoàng Thanh Đức)         | Ngã ba đập Phước Tín về Phước Long (Ngã 3 Phước Lộc)                    | 1,20                     |
|       |                                                               | Ngã ba đập Phước Tín về Phước Long (Ngã 3 Phước Lộc)                            | Lòng Hồ Thác Mơ                                                         | 1,30                     |
| 3     | Đường Yên Thế (Đường đi Thác Mơ)                              | Ngã ba đập Phước Tín về Phước Long (Ngã 3 Phước Lộc)                            | Giáp ranh phường Thác Mơ                                                | 1,40                     |
| 4     | Các tuyến đường bê tông, giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên | Toàn tuyến                                                                      |                                                                         | 1,20                     |
| 5     | Các tuyến đường còn lại                                       | Toàn tuyến                                                                      |                                                                         | 1,10                     |
| II    | XÃ LONG GIANG                                                 |                                                                                 |                                                                         |                          |
| 1     | Đường Tôn Đức Thắng (Đường trung tâm xã Long Giang)           | Giáp ranh phường Sơn Giang                                                      | Hết ranh đất trường tiểu học Long Giang                                 | 1,00                     |
|       |                                                               | Hết ranh đất trường tiểu học Long Giang                                         | Hết ranh Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang                   | 1,00                     |
|       |                                                               | Hết ranh Trung tâm Văn hóa-Thể thao của xã Long Giang                           | Giáp đường Lý Tự Trọng, thôn An Lương (Giáp ranh phường Long Thủy)      | 1,14                     |

| Số TT | Tên đường                                                     | Đoạn đường                                       |                                        | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                               | Từ                                               | Đến                                    |                          |
| 2     | Đường Võ Văn Kiệt (Thôn 7)<br>(Đường vào tập đoàn 7)          | Giáp ranh Trung tâm hành chính thị xã Phước Long | Hết ranh trường tiểu học thôn 7        | 1,21                     |
|       |                                                               | Hết ranh trường tiểu học thôn 7                  | Giáp đường Lý Tự Trọng (thôn An Lương) | 1,00                     |
| 3     | Đường Lý Tự Trọng (thôn An Lương)                             | Giáp ranh phường Long Thủy                       | Cầu Kinh tế thôn An Lương +700m        | 1,17                     |
| 4     | Đường Nguyễn Trãi (đường Nhơn Hòa 2)                          | Giáp ranh phường Sơn Giang                       | Hội trường thôn Nhơn Hòa 2             | 1,21                     |
| 5     | Đường Hà Huy Tập (thôn Bù Xiết)                               | Giáp ranh phường Sơn Giang                       | Giáp ranh nghĩa địa thôn Bù Xiết       | 1,00                     |
|       |                                                               | Ngã 3 ranh đất nhà ông Lê Minh Hoàng             | Ngã tư thôn Nhơn Hòa 1                 | 1,00                     |
| 6     | Các tuyến đường bê tông, giao thông nông thôn từ 3,5m trở lên | Toàn tuyến                                       |                                        | 1,00                     |
| 7     | Các tuyến đường còn lại                                       | Toàn tuyến                                       |                                        | 1,39                     |
| III   | PHƯỜNG LONG THỦY                                              |                                                  |                                        |                          |
| 1     | Đường Đinh Tiên Hoàng                                         | Giáp đường Lê Quý Đôn                            | Giáp đường Lê Văn Duyệt                | 1,15                     |
|       |                                                               | Ngã ba giao đường Lê Văn Duyệt                   | Ngã tư giao đường Trần Quang Khải      | 1,10                     |
|       |                                                               | Ngã tư giao đường Trần Quang Khải                | Trụ sở UBND phường Long Thủy           | 1,10                     |
| 2     | Đường 6/1 (ĐT 741 cũ)                                         | Ngã ba Tư Hiền                                   | Đường Đinh Tiên Hoàng                  | 1,20                     |
|       |                                                               | Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng                      | Tượng đài Chiến thắng                  | 1,10                     |
| 3     | Đường 6/1 (ĐT 741 cũ) (Phía bên phường Long Thủy)             | Tượng đài chiến thắng                            | Cầu Đak Lung                           | 1,00                     |
| 4     | Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 741)                               | Ngã ba Trần Hưng Đạo                             | Cầu Suối Dung                          | 1,10                     |
| 5     | Đường Nguyễn Huệ                                              | Tượng đài chiến thắng                            | Giáp đường Lê Văn Duyệt                | 1,10                     |
|       |                                                               | Giao đường Lê Văn Duyệt                          | Giao đường Lê Hồng Phong               | 1,10                     |
| 6     | Đường Lê Văn A                                                | Toàn tuyến                                       |                                        | 1,10                     |
| 7     | Đường Trần Quang Khải                                         | Ngã ba đường 6/1                                 | Ngã 4 giáp đường Lê Văn Duyệt          | 1,10                     |
|       |                                                               | Ngã tư giáp đường Lê Văn Duyệt                   | Ngã ba đường Hồ Long Thủy              | 1,10                     |

| Số TT | Tên đường                          | Đoạn đường                               |                                | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------|
|       |                                    | Từ                                       | Đến                            |                          |
| 8     | Đường Cách mạng tháng 8            | Tượng đài chiến thắng                    | Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh  | 1,10                     |
|       |                                    | Ngã ba giáp đường Sư Vạn Hạnh            | Hết tuyến                      | 1,10                     |
| 9     | Đường Hai Bà Trưng                 | Toàn tuyến                               |                                | 1,10                     |
| 10    | Đường Tự Do                        | Toàn tuyến                               |                                | 1,10                     |
| 11    | Đường Trần Hưng Đạo                | Giao đường Nguyễn Tất Thành              | Giao với đường Lê Văn A        | 1,00                     |
|       |                                    | Ngã Tư giao với đường Lê Văn A           | Cuối tuyến (Khu 4)             | 1,10                     |
| 12    | Đường Hồ Long Thủy                 | Ngã tư giáp đường 6/1                    | Hết ranh Nhà Văn hóa thiếu nhi | 1,10                     |
|       |                                    | Giáp ranh Nhà Văn hóa thiếu nhi          | Ngã ba giáp đường Lý Thái Tổ   | 1,10                     |
| 13    | Đường Trần Quốc Toàn               | Ngã tư giáp đường Trần Quang Khải        | Ngã tư giáp đường Lý Thái Tổ   | 1,10                     |
|       |                                    | Giao lộ đường Lê Văn Duyệt               | Giao lộ đường Trần Quang Khải  | 1,10                     |
| 14    | Đường Sư Vạn Hạnh                  | Toàn tuyến                               |                                | 1,10                     |
| 15    | Đường Lý Thái Tổ                   | Toàn tuyến                               |                                | 1,10                     |
| 16    | Đường Lê Văn Duyệt                 | Giao đường Đinh Tiên Hoàng               | Giao đường Lý Thái Tổ          | 1,10                     |
|       |                                    | Giao đường Lý Thái Tổ                    | Hết tuyến                      | 1,00                     |
| 17    | Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn 1)     | Giao đường Đinh Tiên Hoàng               | Giao đường Trần Quốc Toàn      | 1,10                     |
| 18    | Đường Hàm Nghi                     | Toàn tuyến                               |                                | 1,10                     |
| 19    | Đường nội bộ khu dân cư y tế khu 5 | Toàn tuyến                               |                                | 1,10                     |
| 20    | Đường đi Đak Son                   | Giao đường Cách mạng tháng 8             | Hết tuyến đường nhựa           | 1,10                     |
| 21    | Đường Nguyễn Văn Cừ                | Toàn tuyến                               |                                | 1,10                     |
| 22    | Đường Trần Phú                     | Toàn tuyến                               |                                | 1,10                     |
| 23    | Đường Lê Hồng Phong                | Toàn tuyến                               |                                | 1,40                     |
| 24    | Đường Thanh Niên                   | Toàn tuyến                               |                                | 1,10                     |
| 25    | Đường Lý Tự Trọng (đường An Lương) | Ngã 3 giáp Lý Thái Tổ và Lê Hồng Phong   | Cầu An Lương                   | 1,10                     |
| 26    | Đường Phan Bội Châu                | Ngã 3 giáp đường 6/1 và Nguyễn Tất Thành | Hết tuyến đường nhựa           | 1,10                     |
| 27    | Đường Kim Đồng                     | Ngã 3 giáp đường Hồ Long Thủy            | Ngã 3 (nhà ông Bùi Tín)        | 1,10                     |
| 28    | Đường Bà Triệu                     | Toàn tuyến                               |                                | 1,10                     |



| Số TT | Tên đường                                                                | Đoạn đường                       |                                                | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                                          | Từ                               | Đến                                            |                          |
| 29    | Đường Cao Bá Quát                                                        | Toàn tuyến                       |                                                | 1,10                     |
| 30    | Đường Phan Đình Giót                                                     | Toàn tuyến                       |                                                | 1,10                     |
| 31    | Đường Hoàng Diệu                                                         | Toàn tuyến                       |                                                | 1,10                     |
| 32    | Đường Nhà thiếu nhi đi vào                                               | Ngã ba giáp đường Hồ Long Thủy   | Hết tuyến đường nhựa (Giáp ranh bên xe)        | 1,10                     |
|       |                                                                          | Ngã 3 Nhà ông Hoàng Công Trường  | Hết tuyến đường nhựa (Nhà ông Tuyển, ông Toàn) | 1,10                     |
| 33    | Đường nối Trần Quang Khải và Nguyễn Văn Trỗi                             | Ngã 3 giáp đường Trần Quang Khải | Ngã 3 giáp đường Nguyễn Văn Trỗi               | 1,10                     |
| 34    | Đường hẻm Lê Văn Duyệt (Cách ngã 3 Lý Thái Tổ và Lê Văn Duyệt 50m)       | Ngã 3 giáp đường Lê Văn Duyệt    | Hết tuyến                                      | 1,10                     |
| 35    | Đường vào sân vận động                                                   | Ngã 3 giáp đường Lê Văn Duyệt    | Hết tuyến                                      | 1,10                     |
| 36    | Đường hẻm Hồ Long Thủy (Cách ngã 3 Hồ Long Thủy và Trần Quang Khải 140m) | Ngã 3 giáp đường Hồ Long Thủy    | Hết tuyến                                      | 1,10                     |
| 37    | Đường hẻm ra đường Trần Hưng Đạo và đường Tự Do                          | Toàn tuyến                       |                                                | 1,10                     |
| IV    | PHƯỜNG THÁC MƠ                                                           |                                  |                                                |                          |
| 1     | Đường Đinh Tiên Hoàng                                                    | Giáp đường Nguyễn Tất Thành      | Giáp đường Lê Quý Đôn                          | 1,00                     |
|       |                                                                          | Giáp đường Lê Quý Đôn            | Giáp đường Lê Văn Duyệt                        | 1,00                     |
| 2     | Đường Lê Quý Đôn                                                         | Giáp đường 6/1                   | Giáp đường Trần Hưng Đạo                       | 1,00                     |
| 3     | Đường nội ô chợ Phước Long                                               | Giáp đường Đinh Tiên Hoàng       | Giáp đường 6 tháng 1                           | 1,00                     |
| 4     | Đường 6/1 (ĐT 741 cũ)                                                    | Ngã ba Tư Hiền                   | Đường Đinh Tiên Hoàng                          | 1,00                     |
|       |                                                                          | Ngã ba giáp Đinh Tiên Hoàng      | Tượng đài Chiến thắng                          | 1,00                     |
| 5     | Đường 6/1 (ĐT 741 cũ) (Phía bên phường Thác Mơ)                          | Tượng đài chiến thắng            | Cầu Đak Lung                                   | 1,00                     |
| 6     | Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 741)                                          | Cầu Suối Dung                    | Ngã ba đường Trần Hưng Đạo                     | 1,00                     |
|       |                                                                          | Giáp đường Trần Hưng Đạo         | Tượng Đức Mẹ                                   | 1,00                     |
|       |                                                                          | Tượng Đức Mẹ                     | Cầu Thác Mè                                    | 1,10                     |
|       |                                                                          | Cầu Thác Mè                      | Giáp ranh xã Phú Nghĩa                         | 1,10                     |
| 7     | Đường Trần Hưng Đạo                                                      | Giao đường Nguyễn Tất Thành      | Giao với đường Lê Văn A                        | 1,00                     |
| 8     | Đường Ngô Quyền                                                          | Giáp đường Nguyễn Tất Thành      | Giáp đường Lê Quý Đôn                          | 1,00                     |
| 9     | Đường Nguyễn Chí Thanh                                                   | Giáp đường Đinh Tiên Hoàng       | Giáp đường Trần Hưng Đạo                       | 1,20                     |

| Số TT | Tên đường                                                           | Đoạn đường                          |                                    | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                                     | Từ                                  | Đến                                |                          |
| 10    | Đường Lê Quý Đôn (nối dài)                                          | Giáp đường Trần Hưng Đạo            | Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ          | 1,10                     |
|       |                                                                     | Hết ranh nhà trẻ Tuổi Thơ           | Giáp đường Đinh Công Trứ           | 1,10                     |
| 11    | Đường Đinh Công Trứ (Tư Hiền 2 cũ)                                  | Giáp đường Nguyễn Tất Thành         | Giáp đường Lê Quý Đôn              | 1,10                     |
|       |                                                                     | Giáp đường Lê Quý Đôn               | Hết tuyến nhựa                     | 1,20                     |
| 12    | Đường Yên Thế (Đường đi Phước Tín)                                  | Tượng Đức Mẹ                        | Giáp ranh xã Phước Tín             | 1,00                     |
| 13    | Đường đi Hòa Tiến                                                   | Giáp đường Nguyễn Tất Thành         | Đập tràn Thủy điện Thác Mơ         | 1,00                     |
| 14    | Đường đi vào Hội trường Khu phố 4                                   | Giáp đường Nguyễn Chí Thanh         | Giáp đường Trần Hưng Đạo           | 1,00                     |
| V     | PHƯỜNG SƠN GIANG                                                    |                                     |                                    |                          |
| 1     | Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 741)                                     | Cầu Suối Dung                       | Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng    | 1,00                     |
|       |                                                                     | Ngã ba giao đường Tôn Đức Thắng     | Giáp ranh phường Long Phước        | 1,00                     |
| 2     | Đường Độc Lập (đường Vòng Sân Bay)(Phần đất thuộc Phường Sơn Giang) | Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành  | Hết tuyến                          | 1,00                     |
| 3     | Đường Võ Văn Kiệt (Tập Đoàn 7)(phần đất thuộc phường Sơn Giang)     | Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành  | Hết ranh QH khu tái định cư        | 1,10                     |
| 4     |                                                                     | Giáp ranh QH khu tái định cư        | Giáp ranh xã Long Giang            | 1,10                     |
| 5     | Đường Lê Trọng Tấn (đường Đắc Ton)(Phía phường Sơn Giang)           | Ngã ba giao đường Độc Lập           | Ngã ba giao đường Vành Đai 2       | 1,10                     |
| 6     | Đường Lê Hồng Phong (đường Sơn Long cũ)                             | Giáp ranh phường Thác Mơ (Cầu số 1) | Cầu số 2                           | 1,00                     |
|       |                                                                     | Cầu số 2                            | Cầu số 3                           | 1,00                     |
|       |                                                                     | Cầu số 3                            | Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành | 1,00                     |
| 7     | Đường Bà Rá (Đường vòng quanh Núi Bà Rá)                            | Toàn tuyến thuộc phường Sơn Giang   |                                    | 1,00                     |
| 8     | Đường Tôn Đức Thắng (Đường Nhơn Hòa 1)                              | Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành  | Giáp ranh xã Long Giang            | 1,00                     |
| 9     | Đường Nguyễn Trãi (Đường Nhơn Hòa 2)                                | Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành  | Giáp ranh xã Long Giang            | 1,00                     |

| Số TT | Tên đường                                     | Đoạn đường                                                          |                                                                     | Hệ số điều chỉnh giá đất |
|-------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                               | Từ                                                                  | Đến                                                                 |                          |
| 10    | Đường Hoàng Văn Thái (đường Sơn Thành)        | Ngã ba giao đường Độc Lập                                           | Ngã ba giao đường Sản Xuất (giáp đất ông Bùi Quốc Cường)            | 1,10                     |
|       |                                               | Ngã ba giao đường Sản Xuất (giáp đất ông Bùi Quốc Cường)            | Ngã ba giao đường Vành Đai 2                                        | 1,10                     |
| 11    | Đường Nguyễn Thị Định (đường cây khế bà Định) | Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành                                  | Ngã ba đường nhựa                                                   | 1,00                     |
|       |                                               | Ngã ba đường nhựa                                                   | Hết 02 nhánh đường nhựa                                             | 1,00                     |
| 12    | Đường Hà Huy Tập (Đường Bù Xiết)              | Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành                                  | Giáp ranh xã Long Giang                                             | 1,00                     |
| 13    | Đường Mọi Nước                                | Ngã ba giao đường Nguyễn Tất Thành                                  | Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong                                     | 1,00                     |
| 14    | Đường Vành Đai 2                              | Toàn tuyến                                                          |                                                                     | 1,20                     |
| 15    | Đường Cầu ông Năm Trường nói dài              | Ngã ba giao đường Lê Hồng Phong (Cầu Số 3)                          | Hết ranh đất nhà ông Nguyễn Văn Định                                | 1,00                     |
| VI    | PHƯỜNG LONG PHƯỚC                             |                                                                     |                                                                     |                          |
| 1     | Đường Nguyễn Tất Thành (ĐT 741)               | Giáp ranh phường Sơn Giang                                          | Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (ngã ba cơ khí chế biến cao su) | 1,00                     |
|       |                                               | Giáp đường Thống Nhất (vòng xoay)                                   | Ngã ba vòng xoay + 200m về hướng Bù Nho                             | 1,00                     |
|       |                                               | Ngã ba vòng xoay + 200m về hướng Bù Nho                             | Ngã ba Nguyễn Thái Học (nông trường 4)                              | 1,00                     |
|       |                                               | Ngã ba Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Thái Học                           | Hết ranh nhà ông Bùi Văn Ngọc, Khu phố Phước Trung                  | 1,00                     |
|       |                                               | Hết ranh nhà ông Bùi Văn Ngọc, Khu phố Phước Trung                  | Giáp ranh xã Bình Tân (H.Phú Riềng)                                 | 1,00                     |
| 2     | Đường Thống Nhất (ĐT 759)                     | Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2 (ngã ba cơ khí chế biến cao su) | Ngã ba giao Nguyễn Tất Thành (vòng xoay)                            | 1,00                     |
| 3     | Đường 3/2 (ĐT759)                             | Ngã ba Nguyễn Tất Thành - đường 3/2                                 | Hết ranh QH Trung tâm TM Phước Bình                                 | 1,00                     |
|       |                                               | Hết ranh QH Trung tâm TM Phước Bình                                 | Cổng trường Mẫu Giáo Sao Mai                                        | 1,00                     |
|       |                                               | Cổng trường Mẫu Giáo Sao Mai                                        | Giáp ranh xã Bình Sơn (Phú Riềng)                                   | 1,00                     |